

BÁO CÁO**Tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2015 của Chính phủ và một số kết quả chủ yếu về sản xuất kinh doanh, đầu tư tháng 3 và Quý I năm 2015 của các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng****1. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2015 của Chính phủ**

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015, Bộ Xây dựng đã khẩn trương ban hành Chương trình hành động với các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu liên quan đến các lĩnh vực của ngành Xây dựng để các đơn vị triển khai thực hiện.

Sau đây là một số công việc cụ thể Bộ Xây dựng đã triển khai thực hiện trong tháng 3 và Quý I năm 2015:

1.1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng ban hành các văn bản pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Ngành: Ngay khi ban hành Chương trình xây dựng văn bản QPPL, Bộ Xây dựng đã tập trung thực hiện các nội dung của Chương trình; trong tháng 3 và Quý I năm 2015 đã triển khai được một số nội dung sau:

- Đã hoàn thành trình Chính phủ ban hành Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Tính trong Quý I/2015, Bộ Xây dựng đã được Chính phủ ban hành 01 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 04 Quyết định.

- Đã ban hành theo thẩm quyền 03 Thông tư về: hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng; sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2013/TT-BXD về hướng dẫn một số nội dung về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thủy điện Lai Châu; hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng ngành Xây dựng.

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các nhiệm vụ tại Chương trình xây dựng văn bản QPPL; Tiếp tục hoàn thiện các đề án, văn bản QPPL đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: gồm 06 Nghị định¹, 03 đề án² và 02 Quyết định³.

¹ Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 13 và Điều 70 của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ; Nghị định quản lý dự án đầu tư xây dựng, Nghị định quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nghị định về hợp đồng xây dựng, Nghị định về quản lý quy hoạch xây dựng, Nghị định về xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng.

1.2. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quản lý đầu tư xây dựng, nhằm hạn chế thất thoát, lãng phí, nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật:

Tiếp tục kiểm tra, kiểm soát chất lượng công trình xây dựng trên cả nước, đặc biệt là đối với các công trình, dự án sử dụng vốn nhà nước; Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng tiếp tục thực hiện kiểm tra các công trình trong kế hoạch hoạt động, trong tháng 3 thực hiện kiểm tra tại 03 công trình trọng điểm quốc gia: Cảng quốc tế Cái Mép – Thị Vải; Hàm Đèo Cả; Đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng; tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng tại 06 công trình của một số Bộ, ngành và địa phương: Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai; Chợ Cốc Lếu (Lào Cai); Trung tâm thương mại Chợ Mơ; Nhà ở cao tầng lô CT1 (Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội), Bệnh viện Đa khoa Quảng Trị; Tháp giữa, tháp Bắc, tháp Nam (dự án Bảo tồn, tôn tạo nhóm tháp Chăm Dương Long - Bình Định).

Tiếp tục tham gia, chỉ đạo xử lý một số sự cố công trình như: vỡ đường ống nước Sông Đà (vị trí vỡ lần thứ 10 của tuyến đường ống), Vỡ đập phụ công trình Hồ chứa nước Đầm Hà Động tại Quảng Ninh, Sập đường hầm công trình Thủy điện Đa Dâng - Đa Chomo (Lâm Đồng), Sự cố ngạt khí tại công trình Big C The Garden.

Tiếp tục thực hiện kiểm tra an toàn hồ đập trên cả nước, Bộ Xây dựng đang tiến hành kiểm tra 03 công trình tại tỉnh Hòa Bình: Hồ Trọng, Thủy điện Suối Nhạp, Thủy điện Đồng Chum II. Tiếp tục đôn đốc, theo dõi, quản lý chất lượng công trình tại một số dự án do Bộ làm Chủ đầu tư như công trình Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình (mới), Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tiếp tục hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương, chủ đầu tư và nhà thầu xử lý các tình huống vướng mắc trong quản lý các dự án, quản lý hợp đồng xây dựng, điều chỉnh tổng mức đầu tư; hướng dẫn, xử lý các vướng mắc do biến động giá. Tiếp tục triển khai lập và công bố chỉ số giá xây dựng. Tập trung rà soát, sửa đổi hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật.

1.3. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch; hoàn thành công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới:

Tiếp tục rà soát các quy hoạch vùng, quy hoạch chung các đô thị trên phạm vi cả nước, đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các đồ án quy hoạch xây dựng quan trọng theo phân cấp; đã hoàn thành trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Quy hoạch chung xây dựng Vườn quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng, tỉnh Quảng Bình đến năm 2030; Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận tỉnh Bình Định đến năm

² Đề án tiếp tục hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn hộ nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015, Đề án phát triển sản xuất vật liệu xây dựng sử dụng trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030, Đề án thí điểm thành lập Viện Công nghệ Thực hành Miền Nam trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng nghề LILAMA2.

³ Quyết định phê duyệt phương án triển khai dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cấp phép xây dựng thống nhất trên toàn quốc, Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp với Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

2035; đã tổ chức hội nghị thẩm định Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tiếp tục tham gia công tác quản lý quy hoạch và kiến trúc tại các công trình trọng điểm quốc gia như: Khu Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc, trụ sở Chính phủ và Văn phòng Chính phủ. Tiếp tục cho ý kiến về Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị tại các đô thị trên cả nước, các công trình kiến trúc trọng điểm, các dự án đầu tư xây dựng quy mô lớn và có yêu cầu đặc biệt tại các địa phương. Đẩy nhanh tiến độ rà soát, xây dựng Báo cáo về tình hình thực hiện công tác quản lý quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị tại các vùng, tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương.

Tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới. Đôn đốc hướng dẫn các địa phương rà soát, xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình Quy hoạch xây dựng nông thôn của Chính phủ.

1.4. Phát triển đô thị theo hướng đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội; tăng cường quản lý và kiểm soát chặt chẽ các dự án phát triển đô thị theo quy hoạch, kế hoạch:

Tiếp tục triển khai thực hiện quản lý đầu tư phát triển đô thị theo Nghị định số 11/2013/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn; tiếp tục hướng dẫn các địa phương thành lập các Khu vực phát triển đô thị và các Ban quản lý khu vực phát triển đô thị; tiếp tục cho ý kiến về chủ trương chấp thuận đầu tư và chuyển quyền sử dụng đất đối với khu vực đã đầu tư hạ tầng tại các dự án phát triển đô thị trong cả nước; tính đến 20/3/2015, đã có 27 hồ sơ dự án xin chấp thuận đầu tư, 157 hồ sơ dự án xin chuyển quyền sử dụng đất.

Tiếp tục triển khai công tác thẩm định, nâng loại đô thị theo các quy định tại Nghị định 42/2009/NĐ-CP về phân loại đô thị và Thông tư 34 hướng dẫn một số nội dung về phân loại đô thị, Bộ Xây dựng đã thẩm định nâng loại cho 4 đô thị: Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (Ninh Thuận) là đô thị loại II; Thị xã Gia Nghĩa (Đắk Nông) là đô thị loại III; Thị trấn Plei Kần mở rộng (Gia Lai), Thị trấn Chư Sê (Gia Lai) là đô thị loại IV.

Tiếp tục triển khai lập các Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: Quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông Cửu Long, Quy hoạch chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Tiếp tục triển khai thực hiện các Chương trình phát triển hạ tầng, đô thị: Chương trình phát triển đô thị quốc gia, Chương trình nâng cấp đô thị quốc gia, Chương trình phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, Chương trình chống thất thoát nước sạch, Chương trình quốc gia đầu tư xử lý chất thải rắn.

1.5. Thực hiện các giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển theo hướng ổn định, bền vững; tập trung thực hiện các Chương trình phát triển nhà ở, đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội:

Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Chính sách quản lý và phát triển nhà ở xã hội, Chính sách quản lý và sử

dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, Chính sách quản lý và phát triển nhà ở tái định cư, Chính sách quản lý, bố trí cho thuê nhà ở công vụ của Chính phủ.

Tiếp tục đơn đốc các địa phương đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 21/08/2014 của Chính phủ; thực hiện giải ngân gói 30.000 tỷ đồng: đến ngày 15/3/2015 đã cam kết cho vay là 10.967 tỷ đồng, đã giải ngân 6.285 tỷ đồng⁴. Đẩy nhanh việc phát triển nhà ở xã hội, chuyển đổi nhà ở thương mại sang nhà ở xã hội, điều chỉnh cơ cấu nhà ở thương mại; hiện có 88 dự án đăng ký điều chỉnh cơ cấu căn hộ (tăng 14 dự án so với cuối năm 2014), với số lượng căn hộ ban đầu là 36.113 căn hộ xin điều chỉnh thành 49.199 căn hộ (tăng 13.086 căn hộ); 62 dự án đăng ký chuyển đổi từ nhà ở thương mại sang nhà ở xã hội (tăng 02 dự án so với cuối năm 2014) với quy mô xây dựng khoảng 41.769 căn hộ.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các chương trình phát triển nhà ở cho các đối tượng xã hội: Chương trình nhà ở cho người có công; Chương trình tôn nền vượt lũ đồng bằng sông Cửu Long – Giai đoạn 2; Chương trình nhà ở sinh viên; Chương trình nhà ở công nhân; Chương trình nhà ở cho người thu nhập thấp tại khu vực đô thị.

Trong Quý I năm 2015, thị trường bất động sản tiếp tục phục hồi, thể hiện ở dư nợ tín dụng và lượng giao dịch tăng trong lĩnh vực bất động sản, cụ thể như sau:

- Về giá cả: Giá nhà ở tương đối ổn định, một số dự án tại các khu vực hạ tầng đầy đủ, triển khai đúng tiến độ giá chào bán tăng nhẹ. Tại Hà Nội, giá căn hộ chung cư phần lớn giữ giá ổn định, một số dự án đang hoàn thiện, có vị trí tốt tăng khoảng 1-3%⁵. Tại Tp.Hồ Chí Minh, giá nhà ở tương đối ổn định, không có nhiều biến động, tăng nhẹ ở một số dự án sắp hoàn thành có hạ tầng tốt.

-Về giao dịch: Lượng giao dịch thành công giữ được mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm ngoái; tại Hà Nội trong Quý I/2015 có 4.250 giao dịch thành công (gấp 3 lần số giao dịch thành công của Quý I/2014) tập trung chủ yếu vào các dự án đang thi công, các dự án hoàn thành có vị trí tốt ; tại Tp.Hồ Chí Minh trong Quý I/2015 có khoảng 3.950 giao dịch thành công (gấp 3 lần số giao dịch thành công của Quý I/2014) chủ yếu tập trung vào các căn hộ có diện tích trung bình và nhỏ (70-90m²).

- Về tồn kho bất động sản: tồn kho bất động sản tiếp tục giảm; tính đến 20/3/2015, tổng giá trị tồn kho bất động sản còn khoảng 70.703 tỷ đồng, giảm 57.845 tỷ đồng (giảm 45%) so với Quý I/2013. Trên địa bàn Hà Nội, đến 20/3/2015 tổng số tồn kho bất động sản khoảng 9.006 tỷ đồng, giảm 8.054 tỷ

⁴ Đối với hộ gia đình, cá nhân: Ký hợp đồng cam kết cho vay 14.367 hộ với số tiền là 6.547 tỷ đồng. Đã giải ngân cho 14.345 hộ với số tiền là 4.525 tỷ đồng. Đối với tổ chức: Cam kết cho vay 34 dự án với số tiền là 4.420 tỷ đồng, đã giải ngân cho 31 dự án, dư nợ là 1.760 tỷ đồng.

⁵ Tại các Quận Long Biên, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Cầu Giấy, Từ Liêm có mức tăng khoảng 3-5%, thậm chí có dự án tăng 5-10%.

đồng (giảm 47,21%) so với Quý I/2013. Trên địa bàn Tp.Hồ Chí Minh, đến 20/3/2015, tổng giá trị tồn kho khoảng 14.057 tỷ đồng, giảm 14.685 tỷ đồng (giảm 51,09%) so với Quý I/2013.

- Dư nợ tín dụng trong lĩnh vực bất động sản: tính 31/01/2015 đạt 316.578 tỷ đồng, tăng 20,7% so với thời điểm 31/12/2013 và tăng 4,8% so với thời điểm 31/12/2014.

1.6. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án, quy hoạch, chương trình phát triển vật liệu xây dựng, đáp ứng nhu cầu thị trường; tăng cường kiểm tra, thực hiện cân đối cung, cầu bình ổn thị trường vật liệu xây dựng:

Tiếp tục kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch xi măng, quy hoạch khoáng sản làm nguyên liệu xi măng, khoáng sản làm vật liệu xây dựng; kiểm tra các dự án xi măng dự kiến vận hành năm 2015 và các dự án xi măng dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2016-2020. Tiếp tục kiểm tra việc thực hiện Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020.

Chỉ đạo, đôn đốc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức nghiên cứu, lập và phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của địa phương đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.

Tiếp tục hướng dẫn xuất khẩu cát nhiễm mặn và xuất khẩu đá khối ở các địa phương. Kiểm tra chất lượng sản phẩm VLXD sản xuất trong nước và nhập khẩu tuân thủ theo QC11:2014 và Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

Các nhiệm vụ khác trong Chương trình hành động được ban hành tại Quyết định số 50/QĐ-BXD ngày 20/01/2015 của Bộ Xây dựng tiếp tục triển khai theo kế hoạch, tiến độ đã đề ra.

2. Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh và đầu tư tháng 3 và Quý I năm 2015 của các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng

2.1. Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh tháng 3 và Quý I năm 2015:

Bước sang năm 2015, ngay từ đầu năm các doanh nghiệp thuộc Bộ đã có nhiều nỗ lực, tập trung khắc phục khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Tháng 2 năm 2015 cả nước đón tết Nguyên đán, sau thời gian dài nghỉ tết, các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh. Sau đây là một số tình hình chủ yếu về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 3 và quý I năm 2015 của các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng:

- Giá trị sản xuất kinh doanh tháng 3 ước đạt 11.300 tỷ đồng, quý I năm 2015 đạt 33.781 tỷ đồng, bằng 22,6% so với kế hoạch năm, bằng 112,3% so với cùng kỳ năm 2014. Cụ thể như sau:

+ *Giá trị xây lắp*: ước thực hiện tháng 3 đạt 4.096 tỷ đồng, quý I năm 2015 đạt 12.907 tỷ đồng bằng 24,9 % so với kế hoạch năm, bằng 115,2 % so với cùng kỳ năm 2014.

+ *Giá trị sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng* (kể cả TCT Xi măng Việt Nam): ước thực hiện tháng 3 đạt 4.150 tỷ đồng, quý I năm 2015 đạt 14.563 tỷ đồng bằng 22,2% so với kế hoạch năm, bằng 107 % so với cùng kỳ năm 2014.

Năm 2014 toàn ngành công nghiệp xi măng đã sản xuất và tiêu thụ 71,0 triệu tấn xi măng và clinker, trong đó xi măng tiêu thụ nội địa đạt 50,6 triệu tấn, xuất khẩu đạt 20,4 triệu tấn clinker và xi măng (XK xi măng đạt 4,74 triệu tấn).

Căn cứ dự báo kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2014 và các chính sách đầu tư phát triển, Bộ Xây dựng đã tính toán nhu cầu xi măng năm 2014 khoảng 72 - 74 triệu tấn, tăng 1,5 - 4% so với năm 2014; trong đó tiêu thụ xi măng nội địa khoảng 53-54 triệu tấn, tăng 4,5% - 6,5%; xuất khẩu 19 - 20 triệu tấn, tương đương năm 2014.

Tháng 3 năm 2015 sản lượng xi măng tiêu thụ nội địa đạt thấp, ước tiêu thụ nội địa tháng 3 đạt 3,91 triệu tấn, quý I năm 2015 tổng tiêu thụ đạt 13,85 triệu tấn bằng 19,2% so với kế hoạch năm, trong đó tiêu thụ nội địa đạt 10,6 triệu tấn; xuất khẩu clinker và xi măng ước đạt 3,25 triệu tấn.

+ *Giá trị tư vấn*: ước thực hiện tháng 3 đạt 117 tỷ đồng, quý I năm 2015 đạt 337 tỷ đồng bằng 23,7% so kế hoạch năm và bằng 124,2% so cùng kỳ năm 2014.

+ *Giá trị SXKD khác*: ước thực hiện tháng 3 đạt 2.936 tỷ đồng, quý I năm 2015 đạt 5.973 tỷ đồng bằng 19,5% so kế hoạch năm và bằng 119,4% so cùng kỳ năm 2014.

- *Nhập khẩu*: ước thực hiện tháng 3 đạt 6,3 triệu USD, quý I năm 2015 đạt 16 triệu USD, bằng 8,5% so với kế hoạch năm.

- *Xuất khẩu*: ước thực hiện tháng 3 đạt 8,9 triệu USD, quý I năm 2015 đạt 32,7 triệu USD bằng 12,8% so với kế hoạch năm.

2.2. *Tình hình thực hiện đầu tư của các doanh nghiệp thuộc Bộ*

Triển khai theo quy định tại Nghị định 99/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/11/2012 về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Bộ Xây dựng, đơn đốc các doanh nghiệp thuộc Bộ trình kế hoạch đầu tư, danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B và thông báo với Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp và giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Giao nhiệm vụ cho Người đại diện

quyết định danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B và báo cáo về Bộ đối với các doanh nghiệp nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Hiện, Bộ Xây dựng đã có ý kiến về sản xuất kinh doanh và danh mục đầu tư của 8/16 doanh nghiệp thuộc Bộ. Theo đó, năm 2015, 16 doanh nghiệp thuộc Bộ (trong đó có 06 tổng công ty cổ phần) dự kiến kế hoạch đầu tư là 19.786 tỷ đồng, thực hiện quý I được 3.918 tỷ đồng bằng 19,8% so với kế hoạch năm 2015.

3. Tình hình thực hiện đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước

Năm 2015, trên cơ sở danh mục dự án được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2375/QĐ-TTg ngày 28/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ (về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2015) và được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phân bổ cho từng dự án tại Quyết định số 1926/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước 2015) và văn bản số 9869/BKHĐT-TH ngày 31/12/2014 (về việc rà soát kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN 2015); Bộ Xây dựng đã có văn bản số 35/BXD-KHTC ngày 9/01/2015 gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra về việc phân bổ chi tiết cho từng dự án theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính.

Ngày 28/01/2015, Bộ Tài chính đã có ý kiến thẩm định về việc phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản và vốn Trái phiếu Chính phủ năm 2015 của Bộ Xây dựng tại văn bản số 1389/BTC-ĐT.

Theo Luật Đầu tư công, bắt đầu từ KH 2015, việc bố trí vốn chuẩn bị đầu tư để thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư. Số lượng dự án được bố trí vốn CBĐT tăng là để dự kiến đầu tư trong cả giai đoạn 5 năm (nhưng tùy từng trường hợp vẫn có thể bổ sung ở KH các năm sau). Hiện nay, các dự án đang trong quá trình lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư để Bộ XD tổng hợp, trình Bộ KHĐT thẩm định nguồn vốn. Sau khi có ý kiến của Bộ KHĐT thì lúc đó, Bộ trưởng mới có thể phê duyệt chủ trương đầu tư (khác với KH các năm trước là nếu dự án được bố trí vốn CBĐT của năm kế hoạch thì gần như chắc chắn dự án sẽ được đưa vào KH đầu tư của năm tiếp theo).

Theo đó, việc phân bổ vốn đầu tư XD CB năm 2015 của Bộ Xây dựng đã đảm bảo thời gian, cơ cấu ngành, nhóm, dự án theo đúng chỉ tiêu đã được Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao.

Hiện, theo đúng thẩm quyền thông qua hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (Tabmis) Bộ Xây dựng đã hoàn thành việc phân bổ chi tiết vốn và danh mục dự án theo các quyết định nêu trên. Cụ thể như sau:

- 14 dự án chuẩn bị đầu tư : 3,2 tỷ đồng;
- 23 dự án thực hiện đầu tư: 427,7 tỷ đồng;
- + 06 dự án khởi công mới: 61 tỷ đồng;

+ 07 dự án hoàn thành năm 2015: 52,78 tỷ đồng;

+ 10 dự án chuyển tiếp: 313,92 tỷ đồng.

- 01 dự án theo mục tiêu, nhiệm vụ: 1.078,27 tỷ đồng.

Tính đến ngày 20/3/2015, các dự án thuộc nguồn vốn NSNN giao Bộ Xây dựng quản lý năm 2015 giải ngân được 50,729 tỷ đồng đạt 3,36% kế hoạch năm 2015. Vốn ODA dự kiến giải ngân trong tháng 3 được 6,2 tỷ đạt 15,5%; Vốn trái phiếu được 8,8 tỷ đạt 24,4%.

Trên đây là tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2015 của Chính phủ và một số nội dung chủ yếu về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư tháng 3 và Quý I năm 2015 của Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT;
- Tổng cục Thống kê;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(đã ký)

Bùi Phạm Khánh

CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP ƯỚC THỰC HIỆN THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2015

(Số liệu các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng và TCT CNXM Việt Nam)

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015	Ước TH tháng 3	Ước TH quý I năm 2015	Tỷ lệ % TH quý I năm 2015 so KH năm 2015	Tỷ lệ % TH quý I năm 2015 so cùng kỳ năm 2014
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5
I	TỔNG GTSXKD	Tỷ đồng	149,473.4	11,300.0	33,781.6	22.6	112.3
1	Giá trị XL	Tỷ đồng	51,905.0	4,096.6	12,907.5	24.9	115.2
2	Giá trị CNVLXD	Tỷ đồng	65,472.5	4,150.0	14,563.8	22.2	107.0
3	Giá trị TV	Tỷ đồng	1,422.2	117.0	337.1	23.7	124.2
4	Giá trị SX KD khác	Tỷ đồng	30,673.7	2,936.3	5,973.2	19.5	119.4
II	TỔNG GIÁ TRỊ KNXNK	1.000 USD	447,821	15,178	48,976	10.9	58.5
1	Kim ngạch nhập khẩu	1.000 USD	192,948	6,275	16,310	8.5	88.9
2	Kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD	254,873	8,903	32,667	12.8	50.0

CUNG CẦU XI MĂNG TOÀN NGÀNH
Ước thực hiện tháng 3 và quý I năm 2015

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015	Ước thực hiện tháng 3 năm 2015	Ước thực hiện quý I năm 2015
A	B	1	2	3
A. Sản xuất Xi măng	Triệu tấn		4.130	11.390
1. TCT CN Xi măng VN	Triệu tấn		1.370	3.690
2. Các CT Liên doanh	Triệu tấn		1.220	3.520
3. XM Lò đứng và các đơn vị sx khác	Triệu tấn		1.540	4.180
B. Tiêu thụ	Triệu tấn	72,0-74,0	4.710	13.850
* Tiêu thụ Xi măng nội địa	Triệu tấn	53,0-54,0	3.910	10.600
1. TCT CN Xi măng VN	Triệu tấn		1.360	3.630
2. Các CT Liên doanh	Triệu tấn		1.170	3.210
3. XM Lò đứng và các đơn vị sx khác	Triệu tấn		1.380	3.760
* Xuất khẩu clinker và xi măng	Triệu tấn	19,0-20,0	0.80	3.25
C. Tồn kho cuối kỳ	Triệu tấn			
* Xi măng	Triệu tấn			0.62
* Clinker	Triệu tấn			2.19